

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 77 /2021/HNGĐ-ST

Ngày 28/6/2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân;

2. Ông Từ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 208/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1991; ấp Hưng Th, xã Hưng L, huyện T, tỉnh Đ; tạm trú: 235/7 đường V, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1979; xã T, huyện Đ, tỉnh L; tạm trú: 235/7 đường V, khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Phạm Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 03 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị N sau thời gian tìm hiểu nhau thì tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15 tháng 10 năm 2018, Giấy chứng nhận kết hôn số 72. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống chung tại 235/7 đường Võ Thị Sáu, khu phố Tây A, phường Đông H, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong lối sống và sinh hoạt, vợ chồng sống chung với nhau nhưng không hiểu nhau, không tôn trọng nhau, không cùng tiếng nói chung, xúc phạm nhau và mâu thuẫn thường xuyên xảy ra. Từ tháng 12 năm 2020 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn sống chung với nhau.

Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị N.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:* bà và ông Phạm Văn H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15/10/2018. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sinh sống tại quê chồng ở xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai được 04 tháng thì xuống Sài Gòn sinh sống. Sau đó chuyển về Bình Dương và thuê nhà trọ sinh sống tại 235/7 đường Võ Thị Sáu, khu phố Tây A, phường Đông H, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Sau khi về sống chung thì hai vợ chồng sống không hạnh phúc và phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng vô tâm không có trách nhiệm với vợ, không lo được cho vợ mà ngược vợ phải nuôi chồng. Mọi sinh hoạt trong gia đình đều do bà lo toan, chồng mở văn phòng nhà đất Tâm Lộc Phát tại phường Đông H bà cũng là người bỏ tiền ra lo nhưng tiền thu được trong kinh doanh ông H cũng không chia sẻ với bà. Vợ chồng bà đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2020 đến nay.

Nay tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn bà cũng đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung (nợ chung): Bà Nguyễn Thị N trình bày trong thời gian sống chung có vay của bà Nguyễn Thị T; số tiền 70.000.000 đồng vay cho chồng mở công ty riêng. Ngoài ra, còn vay của anh Trần Văn Đ số tiền 13.000.000 đồng để chồng đóng vào công ty. Tuy nhiên, bà N xác định chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về

tổ tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Phạm Văn H và bị đơn bà Nguyễn Thị N đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vào ngày 15 tháng 10 năm 2018, Giấy chứng nhận kết hôn số 72 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Ông Phạm Văn H cho rằng quá trình chung sống bà Nguyễn Thị N và ông không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến cho cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Vì vậy, ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nên không tham gia hòa giải. Bị đơn bà Nguyễn Thị N cũng thống nhất với lời trình bày của ông H là vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên ông H yêu cầu ly hôn thì bà cũng đồng ý. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của ông Phạm Văn H.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung; bị đơn bà Nguyễn Thị N xác định trong thời gian sống chung có vay của bà Nguyễn Thị T; số tiền 70.000.000 đồng vay cho chồng mở công ty riêng. Ngoài ra, còn vay của anh Trần Văn Đ số tiền 13.000.000 đồng để chồng đóng vào công ty. Tuy nhiên, bà N xác định chưa yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Ông Phạm Văn H phải chịu án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H được ly hôn với bà Nguyễn Thị N (Giấy chứng nhận kết hôn số 72, do Ủy ban nhân dân xã Hưng Lộc, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 15 tháng 10 năm 2018).

2 Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Ông Phạm Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0049585 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà